

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
**BĐD HĐQT NGÂN HÀNG
CSXH TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BĐD Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng đợt 3 năm 2026
cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh**

**TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCSXH ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Công văn số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 1151/NHCS-KHNV ngày 16/3/2026 về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 892/NHCS-KHTD ngày 06/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 3 năm 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tạm điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương từ chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn sang cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm cho Hội sở Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Bổ sung phần lãi nhập gốc nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác cho Hội sở Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

(Nội dung chi tiết tại các Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan về thẩm quyền phê duyệt nội dung đề xuất; tính chính xác, tính pháp lý đối với các hồ sơ, số liệu cung cấp, báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chỉ đạo cán bộ tín dụng căn cứ kế hoạch tín dụng được điều chỉnh của từng xã, phường phân bổ vốn đến từng thôn; đồng thời, chủ động báo cáo Giám đốc Phòng giao dịch để tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã phân bổ kế hoạch tín dụng năm 2026 được điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này đến cấp thôn theo quy định để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTCTVA46354.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Cao Văn Cường

DANH MỤC TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
CHO CÁC PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDD ngày / /2026 của Trưởng Ban đại
điện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương điều chỉnh tăng/giảm (-)			Chỉ tiêu kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác (UBND tỉnh) điều chỉnh tăng/giảm (-)
			Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	
1	Hoàng Hoá	-10.000	-14.000	2.000	2.000	
2	Hậu Lộc	-4.000	-6.000	2.000		
3	Nga Sơn	0	-4.000	2.000	2.000	
4	Nghi Sơn	-5.000	-9.000	4.000		
5	Quảng Xương	-2.000	-5.000	1.000	2.000	
6	Thọ Xuân	-2.000	-5.000	3.000		
7	Yên Định	-3.000	-7.000	2.000	2.000	
8	Triệu Sơn	3.000		3.000		
9	Nông Cống	1.000	-2.000	3.000		
10	Vĩnh Lộc	2.000	-1.000	2.000	1.000	
11	Hà Trung	0	-4.000	3.000	1.000	
12	Thạch Thành	1.000	-3.000	1.000	3.000	
13	Lang Chánh	1.000			1.000	
14	Ngọc Lặc	3.000		3.000		
15	Thường Xuân	1.000	-1.000		2.000	
16	Như Thanh	1.000		1.000		
17	Hội sở tỉnh	6.100		5.000		1.100
18	Bím Sơn	1.000	-3.000	4.000		
19	Quan Sơn	2.000			2.000	
20	Thiệu Hoá	4.000		2.000	2.000	
21	Như Xuân	0	-2.000	2.000		
22	Sầm Sơn	1.000	-4.000	5.000		
Tổng		1.100	-70.000	50.000	20.000	1.100

DANH MỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-10.000	
	Xã Hoàng Châu	-1.700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	5.265
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	13.116
	Xã Hoàng Giang	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	7.721
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2.000	36.988
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	11.090
	Xã Hoàng Hóa	-700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	9.627
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	21.073
	Xã Hoàng Lộc	-1.700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	7.782
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	15.277
	Xã Hoàng Phú	-1.700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	5.889
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.163
	Xã Hoàng Sơn	-1.200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.500	3.909
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.174

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Hoàng Thanh	-2.000	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	14.600
	Xã Hoàng Tiến	-1.200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.500	9.293
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	6.397

DANH MỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HẬU LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-4.000	
	Xã Đông Thành	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	4.749
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	16.031
	Xã Hậu Lộc	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	4.079
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	12.701
	Xã Hoa Lộc	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	6.101
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	22.596
	Xã Triệu Lộc	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	3.179
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	11.674
	Xã Vạn Lộc	-4.800	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-5.200	13.747
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	14.233

DANH MỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	0	
	Xã Ba Đình	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	6.154
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	400	31.062
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	14.759
	Xã Hồ Vương	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	8.316
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	35.217
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	19.311
	Xã Nga An	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-600	5.067
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	30.471
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	8.365
	Xã Nga Sơn	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-600	16.263
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	62.305
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	24.633
	Xã Nga Thắng	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	9.351

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	40.674
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	15.290
	Xã Tân Tiến	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	13.354
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	400	39.297
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	12.027

DANH MỤC SỐ 04
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH NGHỊ SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-5.000	
	Phường Đào Duy Từ	-700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.200	6.465
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	9.270
	Phường Hải Bình	-200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	11.822
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	13.064
	Phường Hải Lĩnh	-600	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.100	7.128
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	12.629
	Phường Nghi Sơn	-500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	6.201
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	8.883
	Phường Ngọc Sơn	-1.000	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.200	13.543
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	13.757
	Phường Tân Dân	-300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	10.239
	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	14.078

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Phường Tĩnh Gia	-100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	9.363
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	18.059
	Phường Trúc Lâm	-700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.200	7.482
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	20.264
	Xã Các Lâm	-400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	3.812
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	3.360
	Xã Trường Lâm	-500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-500	3.413

DANH MỤC SỐ 05
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-2.000	
	Xã Lưu Vệ	-190	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	4.736
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	350	27.912
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	160	13.607
	Xã Quảng Bình	-300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	10.265
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	45.355
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	100	14.188
	Xã Quảng Chính	-300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	5.597
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	38.487
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	20.156
	Xã Quảng Ngọc	-400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	16.054
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	40.902
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	100	17.779
	Xã Quảng Ninh	-250	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	5.899

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	31.315
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	150	6.179
	Xã Quảng Yên	-260	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	4.178
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	33.149
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	140	17.721
	Xã Tiên Trang	-300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	6.531
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	350	46.048
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	150	11.443

DANH MỤC SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-2.000	
	Xã Lam Sơn	-400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	8.579
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	8.013
	Xã Sao Vàng	-900	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.500	10.383
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	11.645
	Xã Thọ Long	-400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	7.605
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	15.255
	Xã Thọ Xuân	-500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-500	6.205
	Xã Xuân Hòa	600	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	11.768
	Xã Xuân Lập	-1.000	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	12.211
	Xã Xuân Tín	600	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	6.950

DANH MỤC SỐ 07
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-3.000	
	Xã Định Hòa	-400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	4.256
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	39.432
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.360
	Xã Định Tân	-500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	4.516
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	30.279
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.545
	Xã Quý Lộc	-600	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.200	2.397
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	27.013
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.545
	Xã Yên Định	-600	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.200	5.977
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	36.808
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	9.477
	Xã Yên Ninh	-600	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.300	7.894

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	400	38.907
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	7.799
	Xã Yên Phú	200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-300	5.174
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	27.915
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	10.180
	Xã Yên Trường	-500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.000	5.141
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	33.202
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	9.613

DANH MỤC SỐ 08
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.000	
	Xã An Nông	300	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	13.637
	Xã Đồng Tiến	500	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	11.385
	Xã Hợp Tiến	300	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	20.039
	Xã Tân Ninh	300	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	13.395
	Xã Thọ Bình	300	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	4.460
	Xã Thọ Ngọc	200	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	15.075
	Xã Thọ Phú	500	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	21.690
	Xã Triệu Sơn	600	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	18.216

DANH MỤC SỐ 09
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NÔNG CÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Xã Công Chính	1.100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	6.370
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.300	15.579
	Xã Thắng Lợi	-100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-300	6.550
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	15.986
	Xã Trung Chính	-140	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-140	5.311
	Xã Trường Văn	-1.100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.100	6.808
	Xã Tượng Lĩnh	1.240	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-260	3.761
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.500	11.230

DANH MỤC SỐ 10
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.000	
	Xã Biện Thượng	500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-300	4.024
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	58.591
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	38.794
	Xã Tây Đô	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	28.463
	Xã Vĩnh Lộc	500	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	8.043
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	700	60.052
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	43.004

DANH MỤC SỐ 11
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	0	
	Xã Hà Long	-900	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-900	5.263
	Xã Hà Trung	420	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-640	8.318
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.060	13.683
	Xã Hoạt Giang	680	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-700	6.213
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.380	13.782
	Xã Lĩnh Toại	-810	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-940	7.363
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	130	19.961
	Xã Tống Sơn	610	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-820	5.195
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1.000	51.964
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	430	18.362

DANH MỤC SỐ 12
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Xã Kim Tân	900	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-400	12.368
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	42.181
3	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	22.609
	Xã Ngọc Trạo	400	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	6.578
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	600	32.491
	Xã Thạch Bình	390	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	7.689
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	590	42.653
	Xã Thạch Quảng	-200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	1.522
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	600	19.279
	Xã Thành Vinh	-290	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-800	3.208
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	510	24.831
	Xã Vân Du	-200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-600	3.060
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	400	22.056

DANH MỤC SỐ 13
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH LẠNG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Xã Linh Sơn	200	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	11.723
	Xã Văn Phú	300	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	11.767
	Xã Đồng Lương	200	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	11.676
	Xã Giao An	300	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	18.061

DANH MỤC SỐ 14
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.000	
	Xã Ngọc Lặc	600	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	600	12.726
	Xã Thạch Lập	400	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	4.176
	Xã Ngọc Liên	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	15.754
	Xã Minh Sơn	930	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	930	11.638
	Xã Kiên Thọ	70	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	70	5.952

DANH MỤC SỐ 15
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Xã Bát Mọt	-50	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-50	11
	Xã Luận Thành	250	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	1.628
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	450	17.406
	Xã Lương Sơn	150	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	150	8.987
	Xã Tân Thành	-100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-100	737
	Xã Thăng Lộc	-50	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-50	377
	Xã Thường Xuân	1.050	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-350	5.558
2	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1.400	29.600
	Xã Vạn Xuân	-80	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-80	178
	Xã Xuân Chinh	-50	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-50	310
	Xã Yên Nhân	-120	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-120	534

DANH MỤC SỐ 16
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NHƯ THANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Xã Như Thanh	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	19.410

DANH MỤC SỐ 17
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA HỘI SỞ NHCSXH TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.000	
	Phường Hạc Thành	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	28.329
	Phường Quảng Phú	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	20.688
	Phường Đông Quang	1.000	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.000	39.299
	Phường Đông Sơn	800	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	800	57.628
	Phường Nguyệt Viên	1.200	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	1.200	15.455
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn địa phương	1.100	
	Phường Hàm Rồng	1.100	
1	Cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác - UBND tỉnh	1.100	13.084

DANH MỤC SỐ 18
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Phường Bỉm Sơn	300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.700	16.536
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	2.000	75.965
	Phường Quang Trung	700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-1.300	13.249
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	2.000	66.729

DANH MỤC SỐ 19
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.000	
	Xã Trung Hạ	500	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	500	19.523
	Xã Quan Sơn	700	
3	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	700	16.743
	Xã Tam Lư	500	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	500	11.797
	Xã Sơn Điện	300	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	7.959

DANH MỤC SỐ 20
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.000	
	Phường Đông Tiến	100	
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	100	39.531
	Xã Thiệu Hóa	1.000	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	500	54.254
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	24.019
	Xã Thiệu Quang	700	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	200	42.688
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	19.876
	Xã Thiệu Tiến	700	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	38.783
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	15.264
	Xã Thiệu Toán	600	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	400	55.753
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	200	17.301
	Xã Thiệu Trung	900	
1	Cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	600	44.164
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	300	22.226

DANH MỤC SỐ 21
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	0	
	Xã Hóa Quỳ	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-400	1.235
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	10.903
	Xã Như Xuân	0	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-400	2.423
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	400	12.682
	Xã Thanh Phong	-200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	620
	Xã Thanh Quân	-200	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-200	434
	Xã Thượng Ninh	300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-400	1.743
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	700	16.724
	Xã Xuân Bình	100	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-400	1.408
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	500	17.084

DANH MỤC SỐ 22
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH SẦM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng/giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000	
	Phường Sầm Sơn	700	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	46.220
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	2.700	72.551
	Phường Nam Sầm Sơn	300	
1	Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn	-2.000	15.741
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động	2.300	50.871